

Newsletter

06/2020

TIN TIÊU ĐIỂM

- Nghị định hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Cạnh tranh 2018
- Quy định về cưỡng chế thi hành án đối với pháp nhân thương mại

TRANG DỰ THẢO

Dự thảo Nghị định hướng dẫn Bộ luật Lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi

legalnewsletters@nhquang.com
www.nhquang.com

Văn phòng Hà Nội
Biệt thự B23, Trung Hòa-Nhân Chính
Phố Nguyễn Thị Định, Quận Thanh Xuân
ĐT: +84 24 35376939

Văn phòng Thành phố Hồ Chí Minh
Lầu 1, Toà nhà Harmony, Số 47-49-51
Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1
ĐT: +84 28 38226290

NGHIÊN CỨU VÀ VẬN ĐỘNG CHÍNH SÁCH



Nhằm cung cấp cho các nhà đầu tư nước ngoài cái nhìn tổng quan về khung pháp lý liên quan đến pháp luật về đầu tư tại Việt Nam, Ngân hàng Thế giới (World Bank Group) đã công bố Báo cáo Investment Policy and Regulatory Review. Luật sư Nguyễn Hưng Quang, với tư cách là chuyên gia của Ngân hàng Thế giới được mời tham gia góp ý cho Báo cáo này.

Để biết thêm thông tin chi tiết về báo cáo, vui lòng truy cập đường link:

http://documents.worldbank.org/curated/en/400351586323809041/pdf/Vietnam-2019-Investment-Policy-and-Regulatory-Review.pdf

Ngoài ra, ngày 15/05/2020, Chương trình "Tăng cường pháp luật và tư pháp tại Việt Nam" (EU JULE) phối hợp cùng Tòa án nhân dân tối cao và Chương trình phát triển của Liên hợp quốc (UNDP) tổ chức Hội thảo góp ý cho Dự thảo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án. Luật sư Nguyễn Hưng Quang được mời tham gia Hội thảo góp ý cho Dự thảo Luật này. Phát biểu tại Hội thảo, luật sư Nguyễn Hưng Quang đưa ra 04 vấn đề chính cần hoàn thiện trong Dự thảo Luật, bao gồm: (i) bảo đảm hoạt động hòa giải, đối thoại tại tòa không triệt tiêu những hoạt động hòa giải khác, (ii) bảo đảm một số nguyên tắc lớn của hòa giải, đối thoại như bảo mật, vô tư, khách quan,… (iii) hoạt động hòa giải, đối thoại tại tòa cần đảm bảo khả năng tiếp cận công lý của những đối tượng yếu thế và (iv) vai trò của Tòa án, Thẩm phán trong hoạt động hòa giải, đối thoại.



Tin tiêu điểm

Thương mại

Nghị định hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Cạnh tranh 2018

Mỹ Hiệp

Tên văn bản: Nghị định 35/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Cạnh tranh (**Nghị định 35**)

Ngày có hiệu lực: 15/05/2020

- **Một số nội dung chính:**

Nhằm bảo đảm có cơ sở pháp lý đầy đủ để triển khai thực hiện Luật Cạnh tranh 2018, ngày 24/03/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định 35 thay thế cho Nghị định 116/2005/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Cạnh tranh. Một số nội dung nổi bật và đáng chú ý của Nghị định 35 bao gồm:

Thứ nhất, khái niệm "kiểm soát, chi phối" đối với hình thức mua lại doanh nghiệp đã được Nghị định 35 định nghĩa rõ hơn. Theo đó, việc doanh nghiệp A kiểm soát, chi phối doanh nghiệp B hoặc 01 ngành nghề của doanh nghiệp B là khi doanh nghiệp A trực tiếp hoặc gián tiếp mua lại toàn bộ hoặc một phần vốn góp, tài sản của doanh nghiệp B theo các trường hợp sau[1]:

(i) Doanh nghiệp A giành được quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% cổ phần có quyền biểu quyết của doanh nghiệp B;

(ii) Doanh nghiệp A giành được quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng trên 50% tài sản của doanh nghiệp B trong toàn bộ hoặc một ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp B;

(ii) Doanh nghiệp A có một trong các quyền quản lý và điều hành doanh nghiệp B[2].

Thứ hai, Nghị định 35 cũng bổ sung hướng dẫn thêm cho quy định tại Điều 13, Luật Cạnh tranh 2018[3] liên quan đến mức thị phần của các doanh nghiệp khi tham gia thoả thuận mua bán. Theo đó, thỏa thuận hạn chế cạnh tranh được coi là không gây ra hoặc không có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh một cách đáng kể nếu thuộc một trong các trường hợp sau[4]:

(i) Thỏa thuận hạn chế cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trên cùng thị trường liên quan, khi thị phần kết hợp của các doanh nghiệp tham gia thỏa thuận nhỏ hơn 5%.

(ii) Thỏa thuận hạn chế cạnh tranh giữa các doanh nghiệp tham gia các công đoạn khác nhau trong cùng một chuỗi sản xuất, phân phối, cung ứng đối với một loại hàng hóa, dịch vụ nhất định, khi thị phần của từng doanh nghiệp tham gia thỏa thuận nhỏ hơn 15%.

Thứ ba, Nghị định 35 hướng dẫn thêm nội dung liên quan đến "ngưỡng tập trung kinh tế" được quy định tại Điều 33, Luật Cạnh tranh 2018. Theo đó, doanh nghiệp phải nộp hồ sơ thông báo tập trung kinh tế cho Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia nếu thuộc một trong các trường hợp sau[5]:

(i) Tổng tài sản hoặc tổng doanh thu bán ra hoặc doanh số mua vào trên thị trường Việt Nam của doanh nghiệp hoặc nhóm doanh nghiệp liên kết mà doanh nghiệp đó là thành viên đạt 3.000 tỷ đồng trở lên trong năm tài chính liền kề trước năm dự kiến thực hiện tập trung kinh tế;

(ii) Giá trị giao dịch của tập trung kinh tế từ 1.000 tỷ đồng trở lên;

(iii) Thị phần kết hợp của các doanh nghiệp dự định tham gia tập trung kinh tế từ 20% trở lên trên thị trường liên quan trong năm tài chính liền kề trước năm dự kiến thực hiện tập trung kinh tế.

Đối với các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp bảo hiểm, công ty chứng khoán dự định tham gia tập trung kinh tế thì sẽ chịu ngưỡng thông báo riêng biệt áp dụng cho các tổ chức này[6].

- **Một số bình luận và khuyến nghị:**

Luật Cạnh tranh 2018 được đánh giá là đã tạo ra một khung pháp lý mới trong lĩnh vực cạnh tranh. Với việc hướng dẫn chi tiết văn bản luật này, Nghị định 35 góp phần hiện thực hóa mục tiêu của Luật Cạnh tranh 2018, cung cấp cho doanh nghiệp những cơ sở pháp lý rõ ràng hơn khi xem xét việc đánh giá tác động của thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, tập trung kinh tế của cơ quan cạnh tranh đối với doanh nghiệp mình có phù hợp với quy định pháp luật hay không. Tuy nhiên, vẫn còn ý kiến băn khoăn liên quan đến quy định về ngưỡng thông báo tập trung kinh tế (khi yêu cầu những giao dịch từ 1.000 tỷ đồng trở lên phải thực hiện thông báo), cho rằng ngưỡng mà Nghị định 35 đặt ra sẽ làm gia tăng số lượng các giao dịch mua bán sáp nhập doanh nghiệp (M&A) trên thị trường phải thực hiện thủ tục này, dẫn tới tăng chi phí cho các doanh nghiệp tham gia[7].

Doanh nghiệp trước khi thực hiện các hoạt động M&A hoặc các chiến lược kinh doanh khác cần lưu ý đến những điểm mới của Luật Cạnh tranh 2018 và hướng dẫn tại Nghị định 35 để xem xét rằng hoạt động đó có thuộc các trường hợp tập trung kinh tế hay không. Trong trường hợp doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục thông báo với cơ quan cạnh tranh, cần lên kế hoạch chuẩn bị thủ tục thông báo đúng quy định pháp luật, tránh việc vi phạm và bị xử lý vi phạm không đáng có xảy ra. Ngoài ra, cũng cần lưu ý rằng, nội dung quy định về ngưỡng tập trung kinh tế không chỉ áp dụng với các hoạt động kinh doanh trong nước mà còn áp dụng với tập trung kinh tế được thực hiện ngoài lãnh thổ Việt Nam[8]. Các doanh nghiệp cần lưu ý đến điểm mới này của Luật Cạnh tranh 2018 để sử dụng dịch vụ tư vấn pháp lý phù hợp khi thực hiện các thương vụ M&A có giá trị lớn ở bên ngoài lãnh thổ Việt Nam.

Tranh tụng

Quy định về cưỡng chế thi hành án đối với pháp nhân thương mại

Kim Anh

Tên văn bản: Nghị định 44/2020/NĐ-CP quy định về cưỡng chế thi hành án đối với pháp nhân thương mại (**Nghị định 44**)

Ngày có hiệu lực: 01/06/2020

- **Một số nội dung chính:**

Nhằm hướng dẫn chi tiết việc thi hành của quy định tại Điều 163, Luật Thi hành án hình sự 2019, Chính phủ ban hành Nghị định 44 quy định cụ thể về cưỡng chế thi hành án hình sự đối với pháp nhân thương mại (**PNTM**). Nghị định này bao gồm một số nội dung chính sau:

Thứ nhất, Nghị định hướng dẫn chi tiết về các biện pháp cưỡng chế thi hành án đối với PNTM, bao gồm: (i) phong toả tài khoản, (ii) kê biên tài sản và (iii) tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử hoặc thu hồi, tạm giữ con dấu của PNTM[9].

Về phong toả tài khoản, biện pháp này được áp dụng trong 02 trường hợp[10]:

- Trường hợp 01: thi hành cưỡng chế đối với việc chấp hành **hình phạt**, bao gồm: (i) đình chỉ hoạt động có thời hạn (trong trường hợp đình chỉ tất cả các lĩnh vực); (ii) cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định (trong trường hợp cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong tất cả các lĩnh vực) và (iii) cấm huy động vốn;
- Trường hợp 02: thi hành cưỡng chế đối với việc chấp hành **biện pháp tư pháp** bao gồm: (i) buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu và (ii) buộc thực hiện một số biện pháp nhằm khắc phục, ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra.

Về kê biên tài sản, biện pháp này được áp dụng trong Trường hợp 02 đã phân tích ở trên. Đối tượng tài sản kê biên là những tài sản có giá trị tương ứng với số tiền bảo đảm thi hành cưỡng chế biện pháp tư pháp.[11]

Về tạm giữ tài liệu, chứng từ, thiết bị chứa dữ liệu điện tử hoặc con dấu, biện pháp này được áp dụng trong thi hành cưỡng chế các hình phạt bao gồm: (i) đình chỉ hoạt động có thời hạn, (ii) cấm kinh doanh, (iii) cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định, (iv) cấm huy động vốn theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, PNTM sẽ bị thu hồi con dấu khi bị cưỡng chế chấp hành hình phạt đình chỉ vĩnh viễn toàn bộ hoạt động[12].

Thứ hai, việc cưỡng chế thi hành án sẽ phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản[13] sau:

(i) Chỉ được thực hiện khi có quyết định cưỡng chế bằng văn bản của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền;

(ii) Việc quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế phải căn cứ vào hình phạt, biện pháp tư pháp áp dụng đối với PNTM, nội dung, tính chất, mức độ, điều kiện thi hành quyết định cưỡng chế và tình hình thực tế ở địa phương;

(iii) Thời hạn áp dụng biện pháp cưỡng chế để bảo đảm thi hành án không quá thời hạn chấp hành hình phạt theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; thời hạn bảo đảm thi hành biện pháp tư pháp được xác định khi biện pháp tư pháp được thi hành xong;

(iv) PNTM có thể bị áp dụng một hoặc một số biện pháp cưỡng chế trong cùng một thời điểm nếu việc áp dụng một biện pháp cưỡng chế không đủ để bảo đảm thi hành án;

(v) Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của PNTM, tổ chức, cá nhân có liên quan trong cưỡng chế thi hành án.

- **Một số bình luận và khuyến nghị:**

Truy cứu trách nhiệm hình sự đối với PNTM là một trong những nội dung mới được bổ sung vào chế định hình sự của Việt Nam, thể hiện được sự đột phá trong tư duy về lập pháp hình sự. Tuy nhiên, để giảm thiểu tối đa những trường hợp PNTM không hợp tác trong quá trình thi hành án, cần có những biện pháp cưỡng chế để đảm bảo tất cả các bản áp có hiệu lực pháp luật đối với PNTM đều được thực hiện nghiêm chỉnh trên thực tế. Như vậy, có thể thấy rằng Nghị định 44 đang đưa ra những hướng dẫn chi tiết và cụ thể hơn về điều kiện cũng như quy trình, thủ tục theo quy định tại Luật Thi hành án hình sự 2019 để áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành án đối với PNTM.

Một điểm mà doanh nghiệp cần lưu ý thêm rằng, trong trường hợp PNTM đang phải chấp hành quyết định cưỡng chế thi hành án mà được chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật thì PNTM kế thừa các quyền và nghĩa vụ của PNTM chấp hành án có trách nhiệm tiếp tục thực hiện quyết định cưỡng chế của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền[14]. Như vậy, đây là một trong những nội dung quan trọng mà các doanh nghiệp có dự định thực hiện các thương vụ M&A cần phải lưu tâm.



Trang Dự thảo

Dự thảo Nghị định hướng dẫn Bộ luật Lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi

Hải Linh

*Qua gần 07 năm thi hành trên thực tế, Nghị định 45/2013/NĐ-CP hướng dẫn Bộ luật Lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và an toàn lao động, vệ sinh lao động (**Nghị định 45**) đã bộc lộ vướng mắc và không còn phù hợp với điều kiện kinh tế-xã hội hiện nay. Với mục tiêu khắc phục nhược điểm của Nghị định 45 trước đây và hỗ trợ cho việc áp dụng quy định mới của của Bộ luật Lao động 2019 (**BLLĐ 2019**) vào đầu năm 2021, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội (**Bộ LĐTBXH**) đang tiến hành xây dựng, soạn thảo Dự thảo Nghị định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và an toàn lao động (**Dự thảo/Dự thảo Nghị định**) – một bản dự thảo được đánh giá rằng dự kiến sẽ có tác động lớn đến quyền và lợi ích của người lao động (**NLĐ**) cũng như người sử dụng lao động (**NSDLĐ**). Trong Bản tin pháp luật số này, NHQuang sẽ đem đến bài viết phân tích về dự thảo Nghị định nói trên để Quý Khách hàng có thêm một số góc nhìn pháp lý về các quy định trong lĩnh vực pháp luật lao động có khả năng được áp dụng trong tương lai.*

1. Quy định về thời giờ làm thêm trong trường hợp bình thường (từ 200 giờ đến 300 giờ/năm) - lao động không trọn thời gian

Thứ nhất, đối với trường hợp tổng số giờ làm thêm là 200 giờ/năm, Dự thảo Nghị định bổ sung thêm quy định về thời giờ làm thêm với NLĐ làm việc không trọn thời gian. Theo đó, đối với NLĐ có thời gian làm việc ngắn hơn so với thời gian làm việc bình thường theo ngày hoặc theo tuần hoặc theo tháng được quy định trong pháp luật về lao động, thỏa ước lao động tập thể hoặc nội quy lao động, tổng số giờ làm việc bình thường và số giờ làm thêm không quá 12 giờ/ngày[15]. Quy định trên được bổ sung nhằm mục đích tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho những ngành nghề kinh doanh có thời gian làm việc dưới 08 giờ/ngày nhưng cần huy động làm thêm trong những giờ cao điểm, mùa cao điểm (phục vụ bàn tại các quán ăn,…)[16].

Thứ hai, BLLĐ 2019 đã quy định 04 trường hợp được làm thêm giờ từ trên 200 giờ đến 300 giờ/năm và giao cho Chính phủ quy định thêm "trường hợp khác"[17]. Dự thảo Nghị định đã đề xuất nội dung làm rõ "trường hợp khác" này là "các trường hợp giải quyết công việc cấp bách, không thể trì hoãn do tính chất đặc thù riêng của ngành, lĩnh vực trong cơ quan, đơn vị nhà nước".

2. Bổ sung quy định về cách tính vào số giờ làm thêm

Việc tính giờ làm thêm trong trường hợp đặc biệt được quy định cụ thể như sau:

Trường hợp 01: Doanh nghiệp quy định làm việc không trọn ngày, trọn tuần hoặc ngày làm việc dưới 08 giờ, tuần làm việc dưới 48 giờ, tính thời gian làm thêm như sau[18]:

Số lượng giờ làm thêm	Quy định của Dự thảo Nghị định
Cách tính vào số giờ làm thêm trên cơ sở số giờ làm việc/ngày	
1. Tổng số giờ làm việc bình thường và số giờ làm thêm không quá 08 giờ trong ngày	- NSDLĐ phải trả lương làm thêm - NSDLĐ không cộng số giờ làm thêm đó vào tổng số giờ làm thêm trong ngày, trong tháng và trong năm
2. Tổng số giờ làm việc bình thường và số giờ làm thêm từ trên 08 giờ đến 12 giờ trong ngày	- NSDLĐ phải trả lương làm thêm đối với số giờ mà vượt quá ngưỡng 08 giờ/ngày (sau khi trả lương làm thêm đủ theo mục 1) - NSDLĐ phải cộng số giờ làm thêm đó vào số giờ làm thêm trong ngày
Cách tính vào số giờ làm thêm trên cơ sở số giờ làm việc/tuần	
1. Tổng số giờ làm việc bình thường và số giờ làm thêm không quá 48 giờ trong một tuần	- NSDLĐ vẫn phải trả lương làm thêm - NSDLĐ không cộng số giờ làm thêm đó vào tổng số giờ làm thêm trong tháng, trong năm
2. Tổng số giờ làm việc bình thường và số giờ làm thêm quá 48 giờ trong một tuần	- NSDLĐ phải trả lương làm thêm với số giờ làm thêm mà vượt quá ngưỡng tổng số 48 giờ/tuần (sau khi trả lương làm thêm đủ theo mục 1) - NSDLĐ phải cộng số giờ làm thêm đó vào tổng số giờ làm thêm trong tháng, trong năm

Trường hợp 02: Doanh nghiệp xây dựng thời giờ làm việc bình thường theo tuần (thời giờ làm việc bình thường không quá 10 giờ/ngày và không quá 48 giờ/tuần), nếu tổng số giờ làm việc không quá 48 giờ/tuần thì NSDLĐ vẫn phải trả lương làm thêm cho số giờ mà NLĐ làm thêm trong ngày; nhưng số giờ làm thêm đó không phải cộng vào tổng số giờ làm thêm trong tháng, trong năm.[19]

Nhận định về việc phân chia 02 trường hợp nói trên, có thể thấy rằng quy định tại Dự thảo Nghị định vẫn chưa thực sự rõ ràng và dễ hiểu để các doanh nghiệp có thể đọc hiểu và áp dụng vào việc quản lý và trả lương làm thêm cho NLĐ. Cụ thể, hiện nay vẫn có những quan điểm cho rằng trên cơ sở quy định của Dự thảo thì doanh nghiệp vẫn khó để xác định khi nào áp dụng cách trả lương làm thêm và cộng số giờ làm thêm theo Trường hợp 01, và khi nào áp dụng theo Trường hợp 02.

Ngoài ra, Dự thảo Nghị định cũng quy định về những trường hợp được tính vào giờ làm việc nhưng được giảm trừ vào tổng số giờ làm thêm trong ngày, trong tháng, trong năm, bao gồm:

(i) Nghỉ giữa giờ được tính vào giờ làm việc khi làm việc theo ca liên tục;

(ii) Thời giờ hội họp, học tập, tập huấn do công đoàn cấp trên triệu tập cán bộ công đoàn không chuyên trách theo quy định của pháp luật về công đoàn;

(iii) Thời gian NLĐ được NSDLĐ tổ chức khám sức khỏe, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

Có thể thấy rằng Dự thảo Nghị định đã tháo gỡ được phần nào những khó khăn, vướng mắc do quy định của Nghị định 45, tăng hiệu quả thực thi trên thực tế. Tuy nhiên, thực tế vẫn cho thấy có nhiều quy định cần được làm rõ thêm để đảm bảo tính khả thi khi áp dụng trên thực tiễn. Hiện nay, Dự thảo đang được hoàn thiện nội dung sau khi lấy ý kiến đóng góp. Các doanh nghiệp cần cập nhật những thông tin liên quan đến Dự thảo Nghị định để có thể lên kế hoạch sản xuất, kinh doanh phù hợp với quy định mới.

***Lưu ý**: Những nội dung của bài viết được căn cứ trên cơ sở bản Dự thảo Nghị định hướng dẫn Bộ luật Lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi.*

Đường link tham khảo: http://duthaovanban.molisa.gov.vn/detail.aspx?tab=2&vid=717

Tất cả các phân tích và nhận định trong bài viết chỉ mang tính tham khảo nên không được coi là ý kiến pháp lý chính thức để vận dụng vào các trường hợp cụ thể. Do vậy, để có được ý kiến tư vấn cho các trường hợp cụ thể, Quý Khách hàng vui lòng liên hệ trực tiếp với chúng tôi.

Danh mục văn bản mới ban hành

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực
1.	Nghị định 53/2020/NĐ-CP quy định về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	05/05/2020	01/07/2020
2.	Thông tư 34/2020/TT-BTC quy định mức thu, nộp phí, lệ phí trong lĩnh vực xây dựng	05/05/2020	05/05/2020
3.	Thông tư 37/2020/TT-BTC quy định về mức thu, nộp phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	07/05/2020	07/05/2020
4.	Thông tư 10/2020/TT-BTTTT năm 2020 sửa đổi Thông tư 30/2011/TT-BTTTT quy định về chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành	07/05/2020	01/07/2020
5.	Thông tư 09/2020/TT-BTCT về quy định lộ trình áp dụng cửa khẩu, nhập khẩu, xuất khẩu đối với hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất, kinh doanh chuyển khẩu, gửi kho ngoại quan do Bộ Công thương ban hành	14/05/2020	30/06/2020
6.	Thông tư 11/2020/TT-BTTTT quy định về Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông	14/05/2020	01/07/2020
7.	Nghị định 57/2020/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 122/2016/NĐ-CP về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan và Nghị định 125/2017/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 122/2016/NĐ-CP	25/05/2020	10/07/2020
8.	Nghị định 58/2020/NĐ-CP quy định về mức đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	27/05/2020	15/07/2020

NHÓM BIÊN SOẠN

Nguyễn Thùy Dương
Doanh nghiệp, Bảo hiểm, Hợp đồng, Lao động, Phân tích chính sách
thuyduong@nhquang.com

Phạm Thị Thu Hà
Thuế, Tài chính
thuha@nhquang.com

Nguyễn Ngọc Hà
Lao động, SHTT, Giải quyết tranh chấp
ngocha@nhquang.com

Vũ Thị Diệu Thảo
Doanh nghiệp, Hợp đồng, Lao động, Phân tích chính sách
dieuthao@nhquang.com

Trần Thị Mỹ Hiệp
Doanh nghiệp, Kinh doanh
myhiep@nhquang.com

Nguyễn Thị Kim Anh
Lao động, SHTT,
Giải quyết tranh chấp
kimanh@nhquang.com

Lê Hải Linh
Doanh nghiệp, Lao động, Phân tích chính sách
hailinh@nhquang.com

[1] Luật Cạnh tranh 2018, Điều 29, khoản 4; Nghị định 35, Điều 2, khoản 1

[2] Nghị định 35, Điều 2, khoản 1, điểm c

Doanh nghiệp mua lại có một trong các quyền sau:

- Trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng thành viên, giám đốc hoặc tổng giám đốc của doanh nghiệp bị mua lại;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ của doanh nghiệp bị mua lại;

- Quyết định các vấn đề quan trọng trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bị mua lại bao gồm việc lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh; lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; lựa chọn điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh; lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn kinh doanh của doanh nghiệp đó.

[3] Luật Cạnh tranh 2018, Điều 13 về Đánh giá tác động hoặc khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh một cách đáng kể của thỏa thuận hạn chế cạnh tranh

[4] Nghị định 35, Điều 11, khoản 3

[5] Nghị định 35, Điều 13, khoản 1

[6] Nghị định 35, Điều 13, khoản 2

[7] Thu Hương-Phan Hằng, *Đừng để chi phí M&A tăng vì... Nghị định, Báo Đầu tư Chứng khoán*, 13/08/2019.

Xem thêm tại:

https://tinnhanhchungkhoan.vn/mua-ban-sap-nhap/dung-de-chi-phi-ma-tang-vi-nghi-dinh-275041.html

[8] Nghị định 35, Điều 13, khoản 3

[9] Nghị định 44, Điều 4

[10] Nghị định 44, Điều 11

[11] Nghị định 44, Điều 18

[12] Nghị định 44, Điều 36

[13] Nghị định 44, Điều 3

[14] Nghị định 44, Điều 8

[15] Dự thảo Nghị định, Điều 4, khoản 3

[16] Tờ trình về việc ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Bộ luật lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, trang 3

[17] BLLĐ 2019, Điều 107, khoản 3, điểm đ

[18] Dự thảo Nghị định, Điều 7, khoản 1

[19] Dự thảo Nghị định, Điều 7, khoản 2